

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 299/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP H.**

Địa chỉ trụ sở: Nguyễn Chí T, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1/ Ông **Nguyễn Hoàng L**, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP H – Là đại diện theo pháp luật.

2/ Ông **Lâm Dương Thiện P**, sinh năm 1998. Chuyên viên: Xử lý nợ KHCN – Phòng XLN KHCN – Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 7988/2023/GUQ-TGĐ12 ngày 28/8/2023).

- Bị đơn: 1/ Ông **Trần Duy K**, sinh năm 1985.

2/ Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã M, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của chị D: Anh Trần Duy K, sinh năm 1985.

Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/01/2024)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Duy K và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP H số tiền còn nợ tính đến ngày 28/02/2024 gồm nợ gốc 1.843.712.056đ, nợ lãi 203.878.362đ, lãi quá hạn 3.926.534đ, tổng cộng gốc và lãi là 2.051.516.952đ (Hai tỉ không trăm năm mươi một triệu năm trăm mười sáu nghìn chín trăm năm mươi hai đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 29/02/2024 theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 01791/2022/HĐCV/RB/3189876 ngày 29/3/2022; Hợp đồng cho vay số 02217/2022/HĐCV/RB/3189876 ngày 08/4/2022 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng MSB ngày 25/4/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp, ông Trần Duy K, bà Nguyễn Thị D không trả hoặc trả nợ không đầy đủ khoản nợ thì ông K, bà D có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DB 192505, số vào sổ cấp GCN: CH06653 đối với thửa đất số 744, tờ bản đồ số 31, diện tích 100,5m², loại đất ở tại nông thôn, địa chỉ: ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh do UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 06/7/2021 cho ông Trần Duy K; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DB 121469, số vào sổ cấp GCN: CS06648, đối với thửa đất số 743, tờ bản đồ số 31, diện tích 401,4m², loại đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ: ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 04/6/2021 cho ông Trần Duy K; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CV 792790, số vào sổ cấp GCN: CH06651, đối với thửa đất số 735, tờ bản đồ số 31, diện tích 113,4m², loại đất ở tại nông thôn, địa chỉ: ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh do UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 15/6/2021 cho ông Trần Duy K; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành DB

192563, sổ vào sổ cấp GCN: CH06697, đối với thửa đất số 256, tờ bản đồ số 32, diện tích 392,6m², loại đất ở tại nông thôn, địa chỉ: ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh do UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 02/12/2021 cho ông Trần Duy K theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01791/2022/HĐTC2/RB/3189876 ngày 30/3/2022, Hợp đồng thế chấp số 01791/2022/HĐTC/RB/3189876 ngày 30/3/2022 cho Cơ quan thi hành án bán đấu giá thu hồi nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Duy K và bà Nguyễn Thị D tự nguyện vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 36.515.170đ (*Ba mươi sáu triệu năm trăm mười lăm nghìn một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP H số tiền 35.301.000đ (*Ba mươi lăm triệu ba trăm lẻ một nghìn đồng*) tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0000215 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(*đã ký*)

Nguyễn Thị Thu Nga